

Bản án số: 217/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16- 8 -2019

V/v Ly hôn, con chung và chia tài sản chung,
công nợ chung giữa chị Ng, anh Qu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Côn – Kiểm sát viên.

Ngày 16-8-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 1 năm 2019 về việc xin ly hôn, nuôi con chung, tài sản, công nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30-7-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thiên Ng, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm 19, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn Qu, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm 19, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Người có Qu lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Xóm 19, Nam Lễ, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

2. Bà Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Xóm 8, xã HH1, huyện HH, tỉnh Nam Định;

3. Chị Lều Thị X, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Xóm 10, xã HH1, huyện HH, tỉnh Nam Định;

4. Chị Đỗ Thị Q, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Xóm 1, xã HH1, huyện HH, tỉnh Nam Định;

5. Anh Mai Hải A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 7 Ngách 11, ngõ 278 Tôn Đức Thắng, quận Đ, thành phố Hà Nội.

6. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Xóm 8, xã HH1, huyện HH, tỉnh Nam Định;

7. Ngân hàng TMCP Việt Nam TV

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường LH, quận DD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy Quyền:

+ Ông Trần Quang T – Nhân viên xử lý nợ

+ Ông Phạm Tất T – Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Lê Thành L – Trưởng bộ phận xử lý nợ

Địa chỉ: 350 đường Trần Hưng Đạo, phường BT, thành phố ND.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đinh Ngọc L1, sinh năm 1983;

ĐKKHKT: Xóm 15, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định;

Tạm trú: số nhà 67 Dịch vọng hậu, quận CG, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Đ1 (C), sinh năm 1958;

Đại chỉ: Xóm 10, xã HH1, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị Ng, ông T, bà H; bà L, bà Ng1, chị X, chị Q, anh Hải A, anh L1, bà Đ1 xin vắng mặt; anh Qu vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thiên Ng và anh Đỗ Văn Qu kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13-04-2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh Qu ở xóm 19 xã Hải Hưng. Năm 2009 được bố mẹ đẻ anh Qu cho đất xây nhà ở riêng, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Qu đi Hà Nội kinh tế ở trên Hà Nội và có hành vi không chung thủy, từ đó trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích đánh cãi chửi nhau. Tháng 5/2018, chị Ng đi làm kinh tế ở trên Hà Nội vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi

quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ng làm đơn xin được ly hôn anh Qu.

Về con chung: Chị Ng trình bày, vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Hương Giang, sinh ngày 10-12-2004 và cháu Đỗ Duy Thế, sinh ngày 15-2-2006, khi ly hôn nguyện vọng của chị Ng là xin nuôi 02 con và không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thiên Ng trình bày, vợ chồng có 01 nhà mái bằng 1 tầng xây trên thổ đất diện tích 108m² tại tờ bản đồ số 6 thửa số 625 tại xóm 19, xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu và các đồ dùng sinh hoạt trong nhà gồm: 01 tủ kệ gỗ gụ, 02 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 Tivi 42ink; 02 giường ngủ; 01 tủ áo bằng gỗ; 01 bức tranh khảm tích (Vinh quy bái tổ); 01 máy ép nước mía. Ngoài ra, tháng 7-2017 vợ chồng có đứng lên mua lại chiếc xe INNOVA E BKS 18A – 093.93 của anh Đinh Ngọc L1 (lúc đó đang mua trả góp ở Ngân hàng) với giá 190.000.000đ. Chị đã cùng với anh Qu trả gốc, lãi cho Ngân hàng đến tháng 5-2018. Đến nay, anh Qu đã chuyển nhượng xe cho người khác với giá 630.000.000đ nên chị đề nghị phải đưa số tiền 190.000.000đ anh Qu đang quản lý là tài sản chung của vợ chồng, còn về số tiền chị đã cùng với anh Qu trả gốc, lãi cho Ngân hàng từ tháng 7-2017 đến tháng 5-2018 mỗi tháng phải trả gốc, lãi khoảng 13.000.000đ chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ bà Nguyễn Thị Ng1 4 chỉ vàng 24k về xây nhà, nợ ông Mai Hải A 150.000.000đ vay về làm dịch vụ cầm đồ, nợ bà Lê Thị L 10 chỉ vàng 24k để mua ô tô, nợ chị Lều Thị X 9.000.000đ về kinh doanh xe đạp điện, nợ rì Đỗ Thị Q 30.000.000đ về kinh doanh cầm đồ, nợ bà Đỗ Thị H là mẹ đẻ số tiền 279.000.000đ và nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh thành nam số tiền 280.000.000đ.

Toà án đã giao trực tiếp Thông báo thụ lý số 09/TB-TLVA, ngày 08-01-2019, kèm theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Ng nộp cho anh Đỗ Văn Qu ký nhận. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo này, bị đơn phải nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có). Trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi cho Toà án nêu rõ lý do để Toà án xem xét. Hết thời hạn này mà người được thông báo không nộp cho Toà án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thì Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh Qu không gửi ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Ng. Sau đó Tòa tiếp tục giao các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các văn bản tố tụng khác nhưng anh Qu không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do của sự vắng mặt. Ngày 09-7-2019 Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã giao Quyết định xét xử cho anh Đỗ Văn Qu, tuy nhiên anh Qu vẫn vắng mặt, không có lý do.

- Ông Trần Quang Tuấn đại diện cho Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng trình bày: Ngày 18/9/2017 vợ chồng anh Qu, chị Ng có ký hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành Nam số tiền 280.000.000đ, mục đích vay “bổ sung vốn kinh doanh xe đạp điện”. Ngày 07-12-2017 anh Qu tiếp tục vay qua thẻ tín dụng số tiền 41.000.000đ. Tổng cộng 02 khoản là 321.000.000đ, quá trình vay nợ vợ chồng anh Qu đã trả cho Ngân hàng một số khoản gốc. Nhưng từ tháng 9, 10-2018 vợ chồng anh Qu không trả gốc, lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 16-8-2019 vợ chồng anh Qu còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 376.527.730đ trong đó gốc 312.879.737đ, lãi 60.544.689đ, lãi phạt chậm trả 3.103.327đ. Nay vợ chồng ly hôn, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Qu phải thanh toán trả cho Ngân hàng các khoản tiền trên. Trong trường hợp vợ chồng anh Qu, chị Ng không trả gốc lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp là nhà đất theo Hợp đồng thế chấp số 9140233971 ngày 18-9-2017 mà vợ chồng anh Qu đã ký với Ngân hàng.

- Bà Nguyễn Thị Ng1 là Người có Qu lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ bà Ng1 là bác ruột của chị Ng. Năm 2009 vợ chồng anh Qu xây nhà, bà Ng1 có cho vợ chồng anh Qu vay 4 chỉ vàng 24k, vợ chồng anh Qu có ký vào giấy biên nhận vay tiền. Nay vợ chồng ly hôn, bà Ng1 yêu cầu vợ chồng anh Qu phải trả bà 4 chỉ vàng 24k.

- Bà Lê Thị L trình bày, ngày 28-7-2017 vợ chồng anh Qu mua ô tô có đến hỏi vàng của bà L là 10 chỉ vàng 24k, 02 vợ chồng cùng đi vay nhưng chỉ có chị Ng là người ký nhận. Nay vợ chồng ly hôn bà L đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Qu phải trả bà L 10 chỉ vàng 24k.

- Chị Lều Thị X trình bày: Ngày 12-7-2016 chị Ng có vay của bà X 9.000.000đ, chị Ng là người trực tiếp ký biên nhận vay tiền. Nay vợ chồng ly hôn bà X đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Qu, chị Ng phải trả 9.000.000đ.

- Chị Đỗ Thị Q trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ chị là rì ruột của chị Ng. Ngày 14-2-2017 vợ chồng anh Qu, chị Ng có vay của chị 30.000.000đ về kinh doanh cầm đồ, vợ chồng anh Qu có ký vào giấy biên nhận vay tiền. Nay vợ chồng ly hôn chị Q đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Qu, chị Ng phải trả chị 30.000.000đ.

- Anh Mai Hải A trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết. Ngày 26-9-2016 ông có cho vợ chồng anh Qu, chị Ng vay 100.000.000đ và ngày 03-4-2017 tiếp tục vay cho vay 50.000.000đ. Tổng cộng 150.000.000đ, vợ chồng anh Qu, chị Ng có viết giấy biên nhận vay tiền. Nay vợ chồng ly hôn ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Qu, chị Ng phải trả 150.000.000đ..

- Bà Đỗ Thị H trình bày. Xuất phát từ mối quan hệ bà là mẹ đẻ của chị Ng, trong quá trình chung sống vợ chồng chị Ng có vay của bà tổng số tiền là

279.000.000đ. Trong đó bà có trả nợ hộ cho vợ chồng chị Ng, anh Qu trước đó có vay của bà Đ1 (Cường) 105.000.000đ, chị X 75.000.000đ.

- Bà Nguyễn Thị Đ1 (Cường), chị Lê Thị X đều xác nhận bà H có trả nợ hộ cho vợ chồng anh Qu, chị Ng ở bà Đ1 105.000.000đ, chị X 75.000.000đ.

- Anh Đinh Ngọc L1 trình bày: Do anh và anh Qu là bạn học với nhau từ nhỏ. Năm 2017 anh có mua 01 ô tô INNOVA E BKS 18A – 093.93 và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để vay trả góp. Đến tháng 7-2017 anh đã chuyển nhượng lại xe ô tô cho vợ chồng anh Qu lấy số tiền 190.000.000đ, theo thỏa thuận vợ chồng anh Qu tiếp tục phải trả gốc lãi cho Ngân hàng cho đến khi hết số tiền vay. Đến ngày 18-6-2019 trước sự chứng kiến của anh và Ngân hàng, anh Qu đã chuyển nhượng xe ô tô cho người khác với giá 630.000.000đ, hiện anh Qu đã tắt toán xong khoản nợ này cho Ngân hàng nên anh không còn liên quan gì đến chiếc xe ô tô này nữa. Do công việc bận anh xin được vắng mặt.

Tại phiên tòa: Chị Ng trình bày bổ sung, về số tiền 41.000.000đ vay theo thẻ tín dụng của Ngân hàng, do anh Qu tự ý vay không có chữ ký của chị. Do vậy, anh Qu phải tự chịu trách nhiệm về khoản nợ này. Về nguyện vọng phân chia tài sản, do anh Qu đang quản lý toàn bộ tài sản nên chị đề nghị Tòa án giao các tài sản trên cho anh Qu để anh Qu trả nợ, sau khi trả nợ xong phần của chị được bao nhiêu thì anh Qu phải thanh toán lại cho chị.

Ông Trần Quang Tuấn đại diện Ngân hàng trình bày, anh Qu có làm thủ tục vay tín dụng với số tiền 41.000.000đ là do anh Qu đứng vay, còn việc chị Ng có biết hay không Ngân hàng không biết. Do vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về chiếc xe ô tô INNOVA do anh Qu mua lại của anh L1 đến nay anh Qu đã tắt toán xong cho Ngân hàng nên ông không có ý kiến gì về chiếc xe ô tô trên nữa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, đề anh Qu tham gia tố tụng, nhưng anh Qu không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và H giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh Qu đã từ bỏ Qu, nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh Qu là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án. Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Thiên Ng ly hôn với anh Đỗ Văn Qu. Về con chung, giao 02 con chung cho chị Ng nuôi dưỡng, không buộc anh Qu phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Ng. Về tài sản chung và công nợ chung: Giao toàn bộ tài sản cho anh Qu sở hữu, sử dụng và anh Qu phải có trách nhiệm trả nợ gồm: Trả nợ bà Nguyễn Thị Ng1 4 chỉ vàng 24k, trả nợ anh Mai Hải A

150.000.000đ, trả nợ chị Đỗ Thị Quý 30.000.000đ, trả nợ bà Lê Thị L 10 chỉ vàng 24k, trả nợ bà Đỗ Thị H 180.000.000đ, trả nợ bà Lều Thị X 9.000.000đ; trả nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tính đến ngày 16-8-2019 tổng cộng là 376.527.730đ trong đó gốc 312.879.737đ, lãi 60.544.689đ, lãi phạt chậm trả 3.103.327đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn Qu đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02 nhưng anh Qu không có mặt và cũng không có lý do; Bà L, bà Ng1, chị X, chị Q, anh Hải A là người có Qu lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thiên Ng và anh Đỗ Văn Qu là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 13-04-2004. Do trong cuộc sống vợ chồng tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau. Tháng 5/2018, chị Ng và anh Qu đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên chị Ng đề nghị xin được ly hôn anh Qu.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ng thì thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh Qu xuất phát từ tính tình, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau. Đến nay chị Ng và anh Qu đã sống ly thân, nhưng 02 bên không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh Qu đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Ng đối với anh Qu là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thiên Ng và anh Đỗ Văn Qu có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Hương Giang, sinh ngày 10-12-2004 và cháu Đỗ Duy Thế, sinh ngày 15-2-2006, hiện đang do chị Ng nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Ng xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị Ng thì thấy: Cháu Giang và cháu Thế hiện đang do chị Ng nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cháu Giang, cháu Thế cũng có lời khai xin được ở với chị Ng. Mặt khác, chị Ng đang có công việc và nghề nghiệp ổn định, anh Qu không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của 02 cháu nên tiếp tục giao 02 cháu cho chị Ng nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị Ng không yêu cầu anh Qu phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh Qu được Qu thăm

con chung không ai được cản trở việc anh Qu thực hiện Qu thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Vợ chồng anh Qu, chị Ng có 01 nhà mái bằng 1 tầng xây trên thổ đất 108m² tại tờ bản đồ số 6 thửa số 625 tại xóm 19, xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu và toàn bộ các đồ gia dụng sinh hoạt trong gia đình gồm 01 tủ kệ gỗ gu, 02 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 Tivi 42ink; 02 giường ngủ; 01 tủ áo bằng gỗ; 01 bức tranh khảm tích (Vinh quy bái tổ); 01 máy ép nước mía. Do anh Qu, chị Ng không tự định được giá nên ngày 30-5-2019 Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã thành lập Hội đồng định giá đã xác định toàn bộ tài sản của vợ chồng anh Qu có trị giá 702.000.000đ.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ tháng 7-2017 vợ chồng anh Qu, chị Ng có đứng lên mua lại chiếc xe INNOVA E BKS 18A – 093.93 của anh Đinh Ngọc L1 (lúc đó đang mua trả góp ở Ngân hàng) với giá 190.000.000đ. Sau khi mua xong chị Ng đã cùng với anh Qu tiếp tục trả gốc, lãi cho Ngân hàng đến hết tháng 5-2018. Đến nay, anh Qu đã chuyển nhượng xe cho người khác với giá 630.000.000đ. Nay chị Ng đề nghị phải đưa số tiền 190.000.000đ anh Qu đang quản lý là tài sản chung của vợ chồng. Xét đề nghị của chị Ng là có căn cứ và phù hợp với lời khai của anh Đinh Ngọc L1, đại diện Ngân hàng nên được chấp nhận.

Xét đề nghị giao toàn bộ tài sản cho anh Đỗ Văn Qu thì thấy. Hiện anh Qu đang quản lý tài sản chung của vợ chồng như vừa nêu. Để thuận lợi cho việc trả nợ chung của vợ chồng cũng như đảm bảo Qu lợi cho những người cho vợ chồng anh Qu, chị Ng vay tài sản nên giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho anh Qu quản lý sử dụng để anh Qu có trách nhiệm trả nợ chung là phù hợp.

[5]. Về công nợ: Theo chị Ng trình bày vợ chồng còn nợ bà Nguyễn Thị Ng1 4 chỉ vàng 24k về xây nhà, nợ anh Mai Hải A 150.000.000đ về làm dịch vụ cầm đồ, nợ chị Đỗ Thị Q 30.000.000đ về kinh doanh cầm đồ và nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành Nam số tiền 280.000.000đ. Xét các khoản nợ chị Ng trình thì thấy, các khoản nợ của bà Ng1, chị Q, anh Mai Hải A và khoản vay 280.000.000đ tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng có chữ ký của anh Qu, chị Ng nên vợ chồng phải chịu trách nhiệm về các khoản vay này.

Về khoản vay 10 chỉ vàng 24k của bà Lê Thị L ngày 29-7-2017, giữa bà L và chị Ng có viết giấy biên nhận vay nợ, chị Ng và bà L đều khẳng định anh Qu cùng là người đi vay nhưng do sơ suất không yêu cầu anh Qu phải ký vào giấy biên nhận, các tài liệu, chứng cứ về khoản nợ này phù hợp với thời gian mua xe ô tô của vợ chồng anh Qu. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao các tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản vay này cho anh Qu nhưng anh Qu không có ý kiến gì. Do vậy, cần buộc vợ chồng anh Qu, chị Ng phải có trách nhiệm về khoản nợ này.

Về khoản vay 9.000.000đ của bà Lê Thị X ngày 12-7-2016, theo lời khai của chị Ng, chị X thì vợ chồng có vay tiền của bà X nhiều lần nhưng đã trả xong. Ngày 12-7-2016 chị Ng vay của bà X 9.000.000đ để kinh doanh xe đạp điện, mặc

dù trong giấy biên nhận không có chữ ký của anh Qu nhưng Tòa án đã giao các tài liệu, chứng cứ về khoản vay này nhưng anh Qu không có ý kiến gì nên cần buộc vợ chồng phải trả bà X 9.000.000đ.

Về các khoản nợ của bà Đỗ Thị H là mẹ chị Ng thì hiện vợ chồng anh Qu, chị Ng còn nợ bà tổng số tiền 279.000.000đ. Vì là mẹ con trong gia đình nên 02 bên không viết giấy biên nhận vay tiền. Xét đề nghị của bà H thì thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng anh Qu, chị Ng đã trực tiếp đến vay tiền của bà Đ1 (Cường), bà X nhiều lần. Quá trình giải quyết vụ án bà Đ1 (Cường), bà X cũng có lời khai xác nhận chính bà H là người trực tiếp trả tiền cho bà Đ1 (Cường) 105.000.000đ, chị X 75.000.000đ. Do vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận 02 khoản nợ này và buộc vợ chồng anh Qu, chị Ng phải trả nợ cho bà H tổng 02 khoản là 180.000.000đ, còn các khoản nợ khác không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với khoản vay tín chấp 41.000.000đ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng do anh Qu là người trực tiếp đi vay chị Ng không biết anh Qu vay từ khi nào, đến nay chị Ng không nhất trí cùng với anh Qu trả nợ chung. Do vậy anh Qu phải chịu trách nhiệm về khoản nợ này.

Như vậy, tổng cộng nợ chung của vợ chồng chị Ng, anh Qu tính đến nay gồm nợ bà Nguyễn Thị Ng1 4 chỉ vàng 24k; nợ anh Mai Hải A 150.000.000đ; nợ chị Đỗ Thị Q 30.000.000đ; nợ bà Lê Thị L 10 chỉ vàng 24k; nợ bà Lều Thị X 9.000.000đ; nợ bà Đỗ Thị H 180.000.000đ; nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành Nam tính đến ngày 16-8-2019 là 280.000.000đ (gốc) và lãi 51.488.541đ, lãi phạt chậm trả 2.592.524đ. Theo giá vàng 24k tại thời điểm hiện nay là 4.100.000đ/1 chỉ x 14 chỉ vàng 24k = 57.400.000đ. Tổng cộng 760.481.026đ.

Về nợ riêng:

- Anh Đỗ Văn Qu trả nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành Nam số tiền 32.879.753đ và lãi 9.056.148đ, lãi phạt chậm trả 510.803đ.

- Chị Nguyễn Thị Thiên Ng trả nợ bà Đỗ Thị H 99.000.000đ.

[6]. Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng anh Qu, chị Ng tại Ngân hàng. Vợ chồng anh Qu, chị Ng đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp Qu sử dụng đất số 9140233971 ngày 18-9-2017 kèm theo nội dung bên thế chấp vợ chồng anh Qu, chị Ng thế chấp nhà ở và tài sản gắn liền với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 6 diện tích 108m² giấy chứng nhận Qu sử dụng đất số CB 203510 được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 26-8-2015. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực tại phòng Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 83/2010/NĐ-

CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo nên phát sinh hiệu lực và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thiên Ng phải nộp án phí ly hôn, về án phí chia tài sản, do chị Ng được nhận số tiền ít hơn số tiền phải trả nợ nên chị Ng không phải chịu án phí chia tài sản; anh Đỗ Văn Qu phải nộp án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 298 Bộ luật Dân sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 9, Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thiên Ng và anh Đỗ Văn Qu.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Đỗ Thị Hương Giang, sinh ngày 10-12-2004 và cháu Đỗ Duy Thế, sinh ngày 15-02-2006 cho chị Nguyễn Thị Thiên Ng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Đỗ Duy Qu không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Ng và được Qu đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản và công nợ: Anh Đỗ Văn Qu được Qu sử dụng 108m² đất tại tờ bản đồ số 6 thửa số 625 tại xóm 19, xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận Qu sử dụng đất số sê ri CB 203510 ngày 26-8-2015 đứng tên anh Đỗ Văn Qu và chị Nguyễn Thị Thiên Ng và được Qu sở hữu nhà và các tài sản trên đất các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm hữu toàn bộ các đồ gia dụng sinh hoạt trong nhà gồm 01 tủ kệ gỗ gu, 01 tủ lạnh; 02 máy giặt; 01 Tivi 42ink; 02 giường ngủ; 01 tủ áo bằng gỗ; 01 bức tranh khảm tích (Vinh quy bái tổ); 01 máy ép nước mía có trị giá 702.000.000đ và số tiền 190.000.000đ bán xe INNOVA E BKS 18A – 093.93 tổng trị giá tài sản chung là 892.000.000đ. Nhưng anh Đỗ Văn Qu phải có trách nhiệm trả nợ những người sau: Trả nợ bà Nguyễn Thị Ng1 4 chỉ vàng 24k, trả nợ anh Mai Hải A 150.000.000đ, trả nợ chị Đỗ Thị Quý 30.000.000đ, trả nợ bà Lê Thị L 10 chỉ vàng 24k, trả nợ bà Đỗ Thị H 180.000.000đ, trả nợ bà Lều Thị X 9.000.000đ; trả nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tính đến ngày 16-8-2019 tổng cộng là 376.527.730đ trong đó gốc 312.879.737đ, lãi 60.544.689đ, lãi phạt chậm trả 3.103.327đ.

Chị Nguyễn Thị Thiên Ng được nhận ở anh Đỗ Văn Qu 65.759.487đ tiền chênh lệch chia tài sản. Nhưng chị Ng phải trả nợ bà Đỗ Thị H 99.000.000đ.

4. Trong trường hợp anh Đỗ Văn Qu không trả gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có Qu đề nghị cơ quan có thẩm Qu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp

đồng thể chấp Qu sử dụng đất số 9140233971 ngày 18-9-2017 là nhà ở và tài sản gắn liền với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 6 diện tích 108m² giấy chứng nhận Qu sử dụng đất số CB 203510 được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 26-8-2015 đứng tên anh Đỗ Văn Qu và chị Nguyễn Thị Thiên Ng. Nếu số tiền thu về vượt quá tổng số tiền nêu trên thì anh Qu được nhận lại phần chênh lệch thừa. Nếu số tiền thu về không đủ tổng số tiền nêu trên thì anh Qu, chị Ng phải tiếp tục thi hành phần chênh lệch còn thiếu đối với Ngân hàng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thiên Ng phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000272 ngày 08-1-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Ng được hoàn lại 1.700.000đ.

Về án phí chia tài sản: Anh Đỗ Văn Qu phải nộp 1.165.000đ.

Nguyên đơn, người có Qu lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Qu kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có Qu lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được Qu kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải Hưng: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự bị đơn có Qu thỏa thuận thi hành án, Qu yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.